

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐAN PHƯỢNG
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2025/DS-ST
Ngày: 31 - 3 - 2025
V/v: Tranh chấp mở lối đi với BDS
liên kề

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐAN PHƯỢNG, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Thuý.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Tạ Văn Nhật; Bà Nguyễn Thị Chiều.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Như Hoàng Hải - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Dung - Kiểm sát viên.

Trong ngày 31 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 109/2023/TLST-DS ngày 02 tháng 11 năm 2023 về việc “Tranh chấp quyền sử dụng đất và yêu cầu mở lối đi cho bất động sản liên kề” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2025/QĐXXST-DS ngày 28 tháng 02 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 09/2025/QĐHPT ngày 14 tháng 3 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Thế M, sinh năm 1976; Địa chỉ: số nhà 64, đường Hạnh Đàn, cụm 13, xã Tân Lập, huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội; có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Thế N, sinh năm 1975; Địa chỉ: Cụm 13, xã Tân Lập, huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội; vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Bà Nguyễn Thị Q, sinh năm 1976; Địa chỉ: Số 11 ngách 63/19 đường Di Ái, xã Di Trạch, huyện Hoài Đức, Thành phố Hà Nội; có mặt.

+ Bà Nguyễn Thị Hồng V, sinh năm 1976; vắng mặt.

+ Anh Nguyễn Thế A, sinh năm 2000; vắng mặt.

+ Chị Nguyễn Thế Hồng Th, sinh năm 2005; vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Cụm 13, xã Tân Lập, huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và các lời trình bày của nguyên đơn là ông Nguyễn Thế M và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị Q thì:

Gia đình tôi quản lý và sử dụng diện tích đất tại địa chỉ: cụm 13, xã Tân Lập, huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội. Nguồn gốc đất ông bà nội tôi là cụ Nguyễn Thế Đồng và Nguyễn Thị Bắc để lại. Theo bản đồ đo đạc năm 1992 thuộc thửa số 751 tờ bản đồ số 18 xã Tân Lập diện tích 270 m².

Cụ Nguyễn Thế Đồng và Nguyễn Thị Bắc để lại một phần diện tích cho bố mẹ tôi là ông Nguyễn Thế Ty và bà Nguyễn Thị Út. Phần diện tích của gia đình tôi là thửa đất số 486, tờ bản đồ số 23 có diện tích 116,3 m², đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: CD 729055, số vào sổ cấp giấy chứng nhận: CH - 07435, do UBND huyện Đan Phượng cấp ngày 05/09/2016 mang tên Hộ bà Nguyễn Thị Út. Sau đó Hộ bà Nguyễn Thị Út đã sang tên toàn bộ cho tôi là Nguyễn Thế M cùng vợ là Nguyễn Thị Q theo Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ký ngày 04/03/2020 lập tại Văn phòng công chứng Hà Tây. Vợ chồng tôi đã làm đầy đủ nghĩa vụ tài chính với nhà nước và làm thủ tục đăng ký sang tên theo quy định nên đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất CV475419 thửa đất số 486, tờ bản đồ số 23, diện tích 116,3m² tại địa chỉ cụm 13, xã Tân Lập, huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội; mục đích sử dụng: đất chuyên trồng lúa nước; thời hạn sử dụng: đến ngày 15/10/2063. Chúng tôi cũng vẫn sử dụng diện tích đất này theo đúng quy định, đúng mục đích và không tranh chấp với ai.

Cụ Nguyễn Thế Đồng và Nguyễn Thị Bắc để lại một phần diện tích cho bố mẹ anh Nam là ông Nguyễn Thế Tân và bà Nguyễn Thị Quý là một phần diện tích đất được tách ra từ thửa đất của cụ Nguyễn Thế Đồng và Nguyễn Thị Bắc nêu trên. Sau đó bố mẹ anh Nam là ông Nguyễn Thế Tân và bà Nguyễn Thị Quý cho tặng anh Nguyễn Thế N và chị Nguyễn Thị Hồng V. Diện tích đất của anh Nguyễn Thế N đã xây nhà ở. Đến khoảng năm 2016 - 2017, UBND xã Tân Lập xây dựng Nhà văn hóa Cụm 13 thôn Hạnh Đàn, xã Tân Lập và cùng nhân dân xây dựng (đổ bê tông) làm lối đi chung nay thuộc ngách 15/77 đường Hạnh Đàn, xã Tân Lập, huyện Đan Phượng, thành phố Hà Nội. Gia đình tôi cũng phải đóng góp tiền để xây dựng lối đi này.

Do mẹ tôi già yếu không canh tác được nên đến năm 2020 gia đình tôi đã chuyển quyền sử dụng đất sang tên vợ chồng tôi. Sau khi nhận đất, tôi đến để thực hiện tiếp tục trồng trọt mới phát hiện ra việc ông N xây dựng bức tường chắn toàn bộ mặt tiền vào thửa đất của tôi. Ông N có bớt một lối đi vào chiều dài 1,2 m nhưng làm cổng vào khóa cửa không cho tôi vào đất. Tôi đã nhiều lần yêu cầu ông N mở khóa cửa và dỡ bỏ bức tường chắn trả lại lối đi vào thửa đất nhưng ông N không thực hiện, không hợp tác.

Do vậy, đến cuối năm 2022, tôi buộc phải gửi Đơn đề nghị UBND xã Tân Lập giải quyết nhưng ông N chống đối không thực hiện bất cứ yêu cầu gì của chính quyền địa phương. Không có mặt theo giấy mời hòa giải tại địa phương. Do vậy, tôi đã khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Đan Phượng giải quyết theo pháp luật, buộc ông Nguyễn Thế N dỡ bỏ bức tường chắn trả lại lối đi vào thửa đất của gia đình tôi, chấm dứt mọi hành vi tranh chấp và xâm phạm. Vì thửa đất của ông N chỉ có 1,2 m kéo dài hết mặt tiền đất của tôi làm gia đình tôi không có lối vào và tại đơn yêu cầu khởi kiện bổ sung đề ngày 16/12/2024, tôi đề nghị Tòa án buộc ông N mở lối đi cho gia đình tôi theo quy định của pháp luật về việc sử dụng lối đi của bất động sản liền kề. Trường hợp phải thanh toán

bằng tiền cho ông Nguyễn Thế N để mở lối đi và ông N cũng yêu cầu thanh toán thì tôi đồng ý thanh toán tiền cho ông N theo quy định của pháp luật.

2. Bị đơn và đại diện những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đứng về phía bị đơn là ông Nguyễn Thế N vắng mặt nhưng trong bản tự khai có trình bày: Thửa đất số 571, tờ bản đồ số 18, diện tích 172m² đất ở tại nông thôn, thời hạn sử dụng đất lâu dài, được UBND huyện Đan Phượng cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 18/12/2007, đứng tên giấy chứng nhận là Nguyễn Thế N tại cụm 13, xã Tân Lập, huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội. Thửa đất này giáp với thửa đất của gia đình ông Nguyễn Thế M.

Nguồn gốc thửa đất số 571, tờ bản đồ số 18, diện tích 172m² tại cụm 13, xã Tân Lập, huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội là do đất của bố mẹ tôi để lại cho tôi. Gia đình tôi ra ở trên thửa đất số 571, tờ bản đồ số 18, diện tích 172m² tại cụm 13, xã Tân Lập từ năm 2002 (do lúc đó gia đình đông con, chỗ ở chật chội nên sau khi lấy vợ tôi xin phép bố mẹ ra thửa đất ở cụm 13, xã Tân Lập sinh sống). Thửa đất trên trước đây là đất nông nghiệp được chuyển đổi thành đất ở lâu dài theo Quyết định xử lý số 1966 của cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Năm 2007 khi chuyển đổi mục đích sử dụng đất theo quyết định 1966 tôi phải nộp tiền chuyển đổi đất, lúc đó là 80.000 đồng/m² nộp vào ngân sách nhà nước. Tiền nộp để chuyển đổi đất là tiền của tôi (do tôi vay mượn để nộp sau đó làm ăn tích cóp trả), số tiền nộp vào nhà nước để chuyển đổi mục đích sử dụng đất là tiền của riêng tôi (bố mẹ tôi, vợ tôi, các con và anh em trong gia đình không đóng góp đồng nào).

Sau khi nộp tiền chuyển đổi mục đích sử dụng đất gia đình tôi được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đứng tên tôi. Quá trình sinh sống từ năm 2002 đến nay gia đình tôi sử dụng ổn định, đất không tranh chấp với các thửa đất liền kề, không vi phạm pháp luật, đến năm 2007 thì được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quyết định số 1966 của nhà nước. Tôi quản lý đất từ đó đến nay, không thấy chủ thửa đất (chủ đất trước đây) nói với tôi là nhà tôi lấn sang đất nhà bên đó. Chủ thửa đất cạnh nhà tôi (đất sau này bán cho vợ chồng ông M) trước đây là ông Nguyễn Thế Ty (đã chết) và bà Nguyễn Thị Út hiện đang sinh sống ở cụm 13, Tân Lập, gia đình ông Ty, bà Út được cấp đất nông nghiệp cạnh nhà tôi. Khoảng năm 2020 vợ chồng ông M, bà Q nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của gia đình ông Ty, bà Út và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mục đích trồng lúa. Sau khi ông M, bà Q nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của ông Ty, bà Út gia đình tôi và gia đình ông M không tranh chấp về đất, hai gia đình có anh em họ hàng với nhau (anh em con chú con bác ruột, ông M là em của tôi). Trước khi ông M khởi kiện tôi ra Tòa, ông M và bà Q đã đến nhà tôi gặp tôi trao đổi nội dung muốn đổi đất để lấy lối đi, vợ chồng tôi đồng ý cắm mốc theo tôi chỉ, vợ chồng ông M đồng ý, ông M tiến hành san lấp thửa ruộng trên đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là ông Nguyễn Thế M, bà Nguyễn Thị Q. Nhưng hôm sau bà Q nhắn tin cho vợ tôi Nguyễn Thị Hồng V là khi nào em làm em báo trước anh chị. Sau đó ông M làm đơn đề nghị UBND xã Tân Lập giải quyết về đất đai giữa gia đình tôi và ông M nhưng tôi không ra xã làm việc vì tôi không

tranh chấp đất với nhà ông M và không vi phạm pháp luật. Sau đó ông M làm đơn khởi kiện tôi ra Tòa án.

Tôi đã nhận thông báo thụ lý vụ án của Tòa án, tôi biết yêu cầu khởi kiện của ông M, tôi không đồng ý việc ông M yêu cầu tôi trả lối đi để đi vào thửa đất nhà ông M, bà Q vì nguồn gốc thửa đất nhà tôi rõ ràng, được UBND huyện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên tôi là hợp pháp, tôi không lấn sang đất nhà ông M nên tôi không thể trả đất của nhà tôi cho ông M.

Trên thửa đất nhà tôi hiện nay có tôi Nguyễn Thế N, vợ tôi tên là Nguyễn Thị Hồng V, sinh năm 1976 và 02 con của chúng tôi là cháu Nguyễn Thế A, sinh năm 2000; cháu Nguyễn Thế Hồng Th, sinh năm 2005. Ngoài ra không có ai khác sinh sống trên đất. Trên thửa đất của tôi có ngôi nhà 02 tầng khép kín; 01 nhà kho và một số cây cối, công trình trên đất và cây cối do vợ chồng tôi xây dựng, không có ai khác đóng góp công sức gì, các con còn nhỏ không có đóng góp gì.

Toà án đã tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án bổ sung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tuy nhiên bị đơn và những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đứng về phía bị đơn không có ý kiến gì.

Vì bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt nên buổi hoà giải không thành.

Trong quá trình Tòa án giải quyết xác minh giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hộ ông Nguyễn Thế N đang thế chấp tại quỹ tín dụng Tân Lập, tuy nhiên khi Tòa án đưa quỹ tín dụng vào tham gia tố tụng thì anh Nam đã trả toàn bộ khoản vay và quỹ tín dụng Tân Lập đã giải chấp cho anh Nam.

Tại phiên tòa: nguyên đơn rút 1 phần yêu cầu khởi kiện về việc tranh chấp quyền sử dụng đất. Yêu cầu HĐXX xem xét yêu cầu mở lối đi với bất động sản liền kề do thửa đất của nguyên đơn không có bất cứ lối đi nào khác ngoài việc mở lối đi trên phần đất của gia đình ông Nguyễn Thế N. Bị đơn và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đứng về phía bị đơn đều vắng mặt dù đã được triệu tập hợp lệ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đan Phượng tại phiên tòa phát biểu quan điểm về việc chấp hành pháp luật của người tiến hành tố tụng từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, việc chấp hành pháp luật của các đương sự đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử

1. Đình chỉ yêu cầu giải quyết tranh chấp đất đai giữa ông Nguyễn Thế M và ông Nguyễn Thế N.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Giao toàn bộ diện tích đất chạy ngang mặt tiền đất của ông Nguyễn Thế N cho ông Nguyễn Thế M sử dụng làm lối đi. Phần đất có diện tích $1,45\text{m} \times 6,08\text{m} = 8,8\text{ m}^2 \times 40.000.000\text{ đồng/m}^2 = 352.000.000\text{ đồng}$. Trên đất có 01 bức tường bao 110 bờ trụ xây dựng năm 2019, diện tích 10m^2 có giá $10\text{m}^2 \times 706.700\text{ đồng/m}^2 \times 40\% = 2.826.000\text{ đồng}$. Tổng cộng ông M phải thanh toán cho ông N 354.826.000 đồng.

Về án phí: ông M, ông N phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về tố tụng:

[1.1] Xác định quan hệ pháp luật có tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: khởi kiện yêu cầu tranh chấp quyền sử dụng đất và mở lối đi tại địa chỉ: Cụm 13, xã Tân Lập, huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội. Đây là quan hệ pháp luật dân sự “Tranh chấp về đất đai”. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đan Phượng theo quy định tại Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Xác định tư cách tham gia tố tụng của các đương sự: ông Nguyễn Thế M có đơn khởi kiện đối với ông Nguyễn Thế N. Do đó, ông M là nguyên đơn; ông N là bị đơn, bà Nguyễn Thị Hồng V; anh Nguyễn Thế A; chị Nguyễn Thế Hồng Th; bà Nguyễn Thị Q là chủ sở hữu chung đối với tài sản đang tranh chấp vì vậy họ là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án.

[1.3] Về luật nội dung áp dụng: Trên cơ sở các yêu cầu của đương sự và thời điểm phát sinh các sự kiện pháp lý, Tòa án áp dụng pháp luật nội dung có hiệu lực tại thời điểm phát sinh các sự kiện pháp lý để làm căn cứ giải quyết yêu cầu của các đương sự.

[2] Về nội dung vụ án:

Nguồn gốc thửa đất của ông Nguyễn Thế M và ông Nguyễn Thế N từ 1 thửa tách ra. Trải qua các thời kỳ thì thửa đất của ông Nguyễn Thế N (có vợ là bà Nguyễn Thị Hồng V) đã làm các thủ tục để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK 495581, sổ vào sổ cấp GCN H 03362, thửa đất số 571, tờ bản đồ số 18, diện tích 172m² đất ở tại nông thôn, thời hạn sử dụng đất lâu dài, được UBND huyện Đan Phượng cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 18/12/2007, đứng tên giấy chứng nhận là Nguyễn Thế N tại cụm 13, xã Tân Lập, huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội.

Còn thửa đất của ông Nguyễn Thế M và bà Nguyễn Thị Q được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất CV475419 thửa đất số 486, tờ bản đồ số 23, diện tích 116,3m² tại địa chỉ cụm 13, xã Tân Lập, huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội; mục đích sử dụng: đất chuyên trồng lúa nước; thời hạn sử dụng: đến ngày 15/10/2063.

Việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Thế N; ông Nguyễn Thế M và bà Nguyễn Thị Q là đúng theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên vì thửa đất của ông M là đất nông nghiệp không có lối đi vào; ông M không có căn cứ chứng minh ông N sử dụng đất của ông, tại phiên tòa ông M tự nguyện rút yêu cầu giải quyết tranh chấp quyền sử dụng đất, đây là sự tự nguyện và phù hợp với pháp luật nên cần chấp nhận. Ông M giữ nguyên yêu cầu ông N cùng gia đình mở lối đi cho bất động sản liền kề vì ngoài lối đi từ đất của ông N ra thì gia đình ông không có lối đi nào khác. Trong khi đó thửa đất của ông N được cấp 1 phần siêu mỏng trước toàn bộ thửa đất của anh Mạnh. Theo quy định của pháp luật, phần đất siêu mỏng có diện tích 8,8 m² (1,45x6,08) không đủ điều kiện để xây dựng. Việc gia đình anh Mạnh không có lối đi nào khác vào đất, có nhu cầu mua lại phần diện tích đất trên là chính đáng phù hợp với quy định của bộ luật dân sự về quyền về lối đi qua, cần chấp nhận.

Theo hội đồng định giá: $8,8\text{m}^2 \text{ đất} \times 40.000.000 \text{ đồng} = 352.000.000 \text{ đồng}$; trên đất có 01 bức tường bao 110 bề trụ xây dựng năm 2019, diện tích 10m^2 có giá $10\text{m}^2 \times 706.700 \text{ đồng/m}^2 \times 40\% = 2.826.000 \text{ đồng}$. Tổng cộng ông M phải thanh toán cho ông N 354.826.000 đồng. Có sơ đồ kèm theo.

Buộc gia đình ông N phải chuyển nhượng lại quyền sử dụng đất cho ông M và bà Q diện tích đất và tài sản trên đất nêu trên.

Cả hai bên có nghĩa vụ đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền để kê khai và điều chỉnh lại diện tích đất hợp thửa, tách thửa phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Về án phí:

Ông M và ông N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 174; 175; 245; 246; 247; 248; 249; 254 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 147, 228, 266, 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thế M với ông Nguyễn Thế N về việc tranh chấp quyền sử dụng đất.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc quyền về lối đi qua thửa đất số 571, tờ bản đồ số 18, diện tích 172m^2 của ông Nguyễn Thế N.

3. Buộc ông Nguyễn Thế N và bà Nguyễn Thị Hồng V phải chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Thế M và bà Nguyễn Thị Q $8,8\text{m}^2$ đất ở có chiều ngang $1,45\text{m} \times 6,08\text{m} \times 40.000.000 \text{ đồng/m}^2 = 352.000.000 \text{ đồng}$ để làm lối đi qua bất động sản liền kề. Trên đất có 01 bức tường bao 110 bề trụ xây dựng năm 2019, diện tích 10m^2 có giá $10\text{m}^2 \times 706.700 \text{ đồng/m}^2 \times 40\% = 2.826.000 \text{ đồng}$. Tổng cộng ông Nguyễn Thế M và bà Nguyễn Thị Q phải thanh toán cho ông Nguyễn Thế N 354.826.000 đồng (ba trăm năm mươi tư triệu tám trăm hai mươi sáu ngàn đồng).

Ông Nguyễn Thế M và bà Nguyễn Thị Q được quyền sử dụng $8,8\text{m}^2$ đất ở trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK 495581, sổ vào sổ cấp GCN H 03362, thửa đất số 571, tờ bản đồ số 18 của ông Nguyễn Thế N. Có sơ đồ kèm theo tại các điểm 1; 2; 3; 4; 1.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

Ông Nguyễn Thế M, bà Nguyễn Thị Q và ông Nguyễn Thế N, bà Nguyễn Thị Hồng V có quyền, nghĩa vụ đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền đăng ký, kê khai; tách thửa;

nhập thừa đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất đối với phần diện tích đất, tài sản gắn liền với đất được công nhận theo quy định pháp luật.

4. Án phí: ông Nguyễn Thế M và bà Nguyễn Thị Q phải chịu 17.741.300 đồng (mười bảy triệu bảy trăm bốn mươi một ngàn ba trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0010019 ngày 02 tháng 11 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đan Phượng, thành phố Hà Nội. Ông Nguyễn Thế M và bà Nguyễn Thị Q phải nộp 17.441.300 đồng (mười bảy triệu bốn trăm bốn mươi một ngàn ba trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Nguyễn Thế N và bà Nguyễn Thị Hồng V phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai tại trụ sở UBND xã nơi họ cư trú.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Thành phố Hà Nội
- VKSND huyện Đan Phượng;
- CCTHADS huyện Đan Phượng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Kim Thuý

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA